

Bản án số: 920/2022/HS-PT

Ngày: 15-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán Ông V Ngọc Huynh

Ông Phạm Trí Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 523/2022/HSPT ngày 29/7/2022. Do có kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T, người bị hại Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: **Đinh Văn T**, sinh năm 1980; tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị U; vợ: Trần Thị T1 (đã ly hôn); con: Có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 14/12/2012 bị Công an phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi tụ tập nhiều người gây mất trật tự công cộng, theo Quyết định số 4222/QĐ-XPHC, bị cáo nộp tiền phạt xong ngày 05/02/2013. Ngày 15/02/2013 bị Công an quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc, theo Quyết định số 3125/QĐ-XPVPHC, bị cáo nộp tiền phạt xong ngày 04/3/2013; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/01/2021 đến ngày 27/01/2021 chuyển tạm giam đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Bà Hồ Thị Thu T2 là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thiện Tâm, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Tân Long, xã Tân An, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, liên quan đến kháng cáo:*

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1972 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Phước Hữu, xã Phước Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Ông Nguyễn Thành T4, sinh năm 1979 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp Khánh Hội, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Trong vụ án này còn có người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác do không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình thực hiện công tác phòng chống tội phạm trên lĩnh vực đất đai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang phát hiện bị cáo Đinh Văn T có hành vi gian dối chiếm đoạt Tài sản của người khác thông qua việc chuyển nhượng “suất tái định cư” ở Khu tái định cư phục vụ Khu công Nệp Sông Hậu - giai đoạn 1 thuộc xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Cụ thể như sau:

1. Đối với 02 lô nền D3- 13 (thửa 6181) và D3- 14 (thửa 6182) của bà Lê Thị Mai H.

Năm 2010, bà Lê Thị Mai H có mua hai suất tái định cư thuộc các lô nền D3-13 (thửa 6181) và D3- 14 (thửa 6182) của ông Lê Vĩnh N và ông Lê Bửu N1 với giá 65.000.000 đồng/01 nền (Bà H và ông N, ông N1 có làm giấy ủy quyền thay cho hợp đồng mua, bán). Ngày 05/12/2016, bà H thuê bị cáo Đinh Văn T đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSD đất) cho hai lô nền trên với giá 5.000.000 đồng/01 nền. Bà H đã giao cho T toàn bộ hồ sơ gốc của hai lô nền và số tiền 5.000.000 đồng, T có làm biên nhận. Nhận được giấy, T đã sử dụng bản gốc giấy chứng nhận về việc kết quả bóc thăm nền tái định cư, để đưa ra thông tin gian dối là “*hai lô nền tái định cư D3:13 và D3:14 do T mua lại từ hộ gốc, hiện đang thuộc quyền sở hữu của T*”, nhằm mục đích đem cầm cố và bán lại Tài sản trên cho người khác, cụ thể:

Ngày 14/12/2016, T đã thế chấp Tài sản nêu trên cho ông La Hùng C để vay số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất 03%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, tính từ ngày 14/12/2016. Sau khi chuộc lại Tài sản từ ông C, ngày 26/10/2017, T đã bán hai lô nền D3:13 và D3:14 cho bà Cao Thị Ánh N3 với giá 100.000.000 đồng/cặp nền. Để bà N3 tin tưởng, T đã giả mạo chữ ký của hộ gốc (ông N và ông N1) vào Giấy ủy quyền với nội dung “*bà N3 thay mặt hộ gốc đi làm thủ tục cấp giấy*” và mang đến UBND xã Đông Phú để chứng thực; ông Lê Thanh V - Công chức thống kê, là người tiếp nhận hồ sơ chỉ căn cứ vào Giấy ủy quyền do T nộp để ghi lời chứng, sau đó trình cho ông Lê Thanh H1 - Chủ tịch UBND xã ký chứng thực, lúc ký chứng thực ông H2 tin tưởng ông V nên không có kiểm tra. Sau đó, bà N3 đi làm thủ tục

cấp giấy CNQSD đất cho hai lô nền trên, nhưng không được vì không có hộ gốc. Bà N3 nhiều lần liên hệ T nhưng T cố tình lẩn tránh, bà N3 nhắn tin yêu cầu T phải nêu rõ sự việc nếu không sẽ đến địa phương nơi T sinh sống tố cáo, do sợ bị phát hiện hành vi gian dối của mình nên T đã hoàn trả tiền lại cho N3 và nhận lại hai hồ sơ trên.

Năm 2019, sau khi lấy lại hai hồ sơ từ bà N3, T đã cầm cố và sau đó chuyển nhượng hai lô nền D3- 13 (thửa 6181) và D3- 14 (thửa 6182) cho ông Nguyễn Văn D với giá 800.000.000 đồng, nhưng do ông D không đủ tiền nên chỉ mua lô nền D3- 14 (thửa 6181) giá 400.000.000 đồng, thanh toán bằng hình thức cầm trừ khoản tiền T đã nợ của ông D. Ông D đi làm thủ tục cấp giấy, sang tên, nhưng không được do không biết hộ gốc, từ đó ông D có ý định chuyển nhượng lại lô nền nói trên. Do sợ hành vi gian dối của mình bị phát hiện nên đến tháng 6/2020, T làm môi giới để giới thiệu ông D bán lại lô nền D3-14 (thửa 6182) cho ông Nguyễn Thanh T3 với giá 540.000.000 đồng, ông D nhận tiền trực tiếp từ ông T3. Quá trình thỏa thuận mua bán, ông D và ông T3 tin tưởng thông tin do T đưa ra “*lô nền thuộc sở hữu của T, do T mua lại từ hộ gốc*”. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, ông D biết được T đã lừa dối ông để bán lô nền D3- 14 (thửa 6182), do ông đã chuyển nhượng lại cho ông T3, vì vậy đến ngày 26/11/2021, ông D đã hoàn trả tiền lại cho ông T3.

Tháng 6/2020, T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối bán lô nền D3- 13 (thửa 6181) cho ông Trần Văn S với giá 500.000.000 đồng, T đã nhận đủ tiền từ ông S và có làm biên nhận.

Như vậy, trong năm 2019 và tháng 6/2020 Đinh Văn T đã sử dụng hồ sơ gốc của các lô nền D3-13 (thửa 6181) và D3-14 (thửa 6182) do bà H giao để thuê làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất và sang tên. T đưa ra thông tin gian dối để chuyển nhượng lô nền D3- 13 (thửa 6181) cho ông Nguyễn Văn D chiếm đoạt của ông D số tiền 400.000.000 đồng, chuyển nhượng lô nền D3- 14 (6182) cho ông Trần Văn S chiếm đoạt của ông S số tiền 500.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của 02 bị hại trong 02 lô nền này là 900.000.000 đồng.

2. Đối với 04 lô nền A2-22 (thửa 3455), A2-23 (thửa 3456), A2-24 (thửa 3457), A2-25 (thửa 3458) của ông Nguyễn Thanh T3.

Năm 2009, T mua “03 suất tái định cư” của các hộ dân nằm trong khu quy hoạch dự án khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 (gồm các hộ bà Bùi Thị T4; bà Lê Thị V và hộ ông Nguyễn Thành T4), giữa T và các hộ dân có làm biên nhận. Sau khi mua T đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thanh T3 với giá 65.000.000 đồng/01 suất. T đã làm “*giấy ủy quyền*”, có xác nhận chữ ký của UBND xã Đông Phú thay thế hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 14/4/2011, ông T3 đưa cho T giấy ủy quyền, thông báo bốc thăm nền tái định cư để nhờ T đến UBND xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bốc thăm nền tái cư cho 03 suất tái định cư trên (ông T3 đã mua lại từ T). Kết quả: Hộ bà Bùi Thị T4 bốc thăm được lô nền A2- 22 (thửa 3455), hộ bà Lê Thị V bốc thăm được lô nền A2- 24 (thửa 3457) và hộ ông Nguyễn Thành T4 bốc thăm được lô nền A2- 25 (thửa 3458).

Ngày 07/10/2014, T giới thiệu cho ông T3 mua thêm một nền tái định cư A2- 23 (thửa 3456) từ bà Nguyễn Thị Bích V1 (hộ gốc là bà Nguyễn Thị Xuân T5) với giá 65.000.000 đồng. Ông T3 đã thanh toán đủ tiền cho bà V1 và nhận từ bà V1 bản

gốc giấy chứng nhận về việc kết quả bóc thăm nền tái định cư số 292/CN-BQL, ngày 14/7/2011 do Ban quản lý các Khu công Nộp tỉnh Hậu Giang cấp.

Năm 2017, ông Nguyễn Thanh T3 đã đưa cho T bản gốc giấy chứng nhận về việc kết quả bóc thăm nền tái định cư, Biên bản giao nền tái định cư ngoài thực địa của bốn lô nền trên để thuê T đi làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất và sang tên đất cho ông T3 giá là 5.000.000 đồng/01 giấy chứng nhận. Có được giấy tờ gốc của 04 lô nền trên T cầm cố sau đó bán cho người khác, cụ thể:

- Cuối năm 2017, T đã chuyển nhượng 02 nền A2 - 22 và A2- 23 cho ông Trương Tấn Đ giá 425.000.000 đồng/cặp nền. Ông Đ không có thực hiện thủ tục đăng ký sang tên và đến ngày 22/4/2019 đã chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn S với giá 1.200.000.000 đồng/cặp nền. Ông S không thực hiện thủ tục đăng ký sang tên đất và đến ngày 23/07/2019 tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Trần Tô L1 với giá 1.400.000.000 đồng/cặp nền, theo thỏa thuận thì bên chuyển nhượng (ông S) sẽ tìm hộ gốc để làm thủ tục, giấy tờ liên quan; do thủ tục, giấy tờ liên quan đến việc sang tên đã được ông La Hùng C liên hệ hộ gốc ký sẵn trước (hợp đồng bảo lưu) và lưu tại Văn phòng công chứng Nguyễn Xuân Thắng, nên ông L1 chỉ đến Văn phòng công chứng ký chuyển nhượng, không có gặp, không biết hộ gốc. Các Ông Đ, S, C đều nghĩ hai lô nền trên trước khi chuyển nhượng cho ông Đ là thuộc sở hữu của T. Đối với các hộ gốc là bà Bùi Thị T4 và bà Nguyễn Thị Xuân T5 khi ông C tìm đến để nhờ làm thủ tục thì họ không biết quá trình chuyển nhượng có sự “gian dối”, họ đều nghĩ rằng “suất tái định cư đã chuyển nhượng cho người ta rồi nên có trách nhiệm giúp người ta làm thủ tục”. Đến ngày 13/01/2021, ông Trần Tô L1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Lê Ngọc Q với giá 1.490.000.000 đồng/cặp nền, hiện ông Q đang quản lý và đứng tên chủ sử dụng đất của hai lô nền A2- 22 và A2- 23.

Tháng 01/2018, tại quán cà phê Hồng Yến gần cầu Cái Cui thuộc phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Đinh Văn T và ông Trương Tấn Đ thỏa thuận chuyển nhượng nền tái định cư dưới sự chứng kiến của ông Bùi Văn D1, sinh năm 1968 và ông Phan Văn C1, sinh năm 1972, cùng ĐKTT: Ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tại đây, T đã đưa ra thông tin gian dối là “hai lô nền A2- 24 và A2- 25 do T mua lại, hiện đang thuộc sở hữu của T, nay có nhu cầu bán”, nhằm bán hai lô nền cho ông Trương Tấn Đ với giá 400.000.000 đồng; cả ba Ông Đ, D1 và C1 đều tin tưởng thông tin do T đưa ra, nghĩ rằng hai lô nền thuộc quyền sở hữu của T, do là người địa phương, biết được hộ gốc hiện nay đang sinh sống ở đâu nên ông D1 và C1 nhận trách nhiệm tìm hộ gốc để đi làm thủ tục cấp giấy, sang tên nhằm hưởng tiền dịch vụ “cò”, với số tiền 1.500.000 đồng/01 người, T với ông Đ đã làm biên nhận thể hiện việc chuyển nhượng. Sau đó, ông C1 đã đi tìm hai hộ gốc là bà Lê Thị V và ông Nguyễn Thành T4 để đi đến UBND huyện làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho hộ gốc và sang tên, bà V và ông T4 đều nghĩ rằng “đã bán cho người ta rồi nên nay có trách nhiệm giúp người ta làm giấy, sang tên”, nên cả hai đã đến UBND huyện làm thủ tục. Khi đến UBND huyện Châu Thành, bà V và ông T4 chỉ ký tên theo hướng dẫn của ông C1, không có kiểm tra nội dung và thắc mắc gì. Sau khi làm thủ tục cấp giấy xong, ông C1 đã đưa cho hộ gốc ký các mẫu giấy tay “hợp đồng chuyển nhượng QSD đất” tại quán cà phê (không rõ tên) đối diện UBND huyện. Xong việc, ông C1 có cho mỗi người 2.000.000 đồng

xem như tiền ăn uống, xăng xe,... Do mục đích kinh doanh, mua đi bán lại kiếm lời, cùng thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, ông Đ đã chuyển nhượng lại hai lô nền trên cho ông Lê Văn L với giá 500.000.000 đồng/cặp nền, do ông Nguyễn Văn L2 là người “*môi giới*”. Do hợp đồng chuyển nhượng mẫu viết tay đã được hộ gốc ký trước không sử dụng được, nên ông D đã đưa lại mẫu hợp đồng viết tay cho ông C1 đi tìm hộ gốc ký lại, nhưng do nhà ông C1 đang có tang, nghĩ rằng hộ gốc đã ký rồi nên ông C1 đã giả “*mạo*” chữ ký hộ gốc để ký vào các mẫu hợp đồng chuyển nhượng do ông D đưa đi tìm hộ gốc ký lại. Ký xong, ông C1 đưa các mẫu hợp đồng đánh máy cho ông D để ông D nộp vào Bộ phận một cửa của UBND xã Đông Phú ngày 05/02/2018; ông Nguyễn Tân X - Công chức tư pháp UBND xã là cán bộ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ chứng thực, quá trình chứng thực ông X đã không kiểm tra, không yêu cầu hộ gốc ký trước mặt mình theo đúng quy định, thực tế chỉ có ông L đến ký tên. Ông X chỉ căn cứ vào hợp đồng đánh máy do ông D nộp để soạn lời chứng thực rồi trình ông Huỳnh Văn H1 - Phó Chủ tịch UBND xã ký chứng thực, lúc ký chứng thực ông H1 tin tưởng ông X nên không có kiểm tra. Khi thực hiện thủ tục chứng thực xong, ông L cùng với ông L2 đi đến UBND huyện nộp hồ sơ và nhận giấy hẹn, ông L2 là người đi thực hiện nghĩa vụ thuế, ông L trực tiếp đến UBND huyện nhận Giấy CNQSD đất của hai lô nền sau khi đã chuyển nhượng từ hộ gốc sang ông L.

Ngày 01/4/2019, ông L tiếp tục chuyển nhượng lô nền A2- 24 cho bà Lê Thị T6 với giá 500.000.000 đồng. Đến ngày 05/6/2019, bà T6 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trần Sơn L1 với giá 610.000.000 đồng. Ông L1 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh H2 với giá 680.000.000 đồng, hiện ông H2 đang đứng tên chủ sử dụng đất và quản lý Giấy CNQSD đất. Ngày 30/3/2019, ông L đã lập hợp đồng ủy quyền lô nền A2- 25 cho ông Tiêu Hoàng T7 và nhận của ông T7 500.000.000 đồng, ông L và ông T7 chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng, hiện ông T7 đang quản lý Giấy CNQSD đất.

Như vậy, cuối năm 2017 và tháng 01/2018 Đinh Văn T đã sử dụng hồ sơ gốc của các lô nền A2-22 (thửa 3455), A2-23 (thửa 3456), A2-24 (thửa 3457), A2-25 (thửa 3458) do ông Nguyễn Thanh T3 giao để thuê làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất và sang tên, đưa ra thông tin gian dối để chuyển cho ông Trương Tân Đ chiếm đoạt của ông Đ tổng số tiền là 825.000.000 đồng.

3. Đối với lô nền D3- 26 (thửa 5510) của bà Nguyễn Kiều T8.

Khoảng năm 2012, bị cáo Đinh Văn T mua “*suất tái định cư*” của bà Nguyễn Kiều T8 bị ảnh hưởng bởi dự án Trung tâm điều hành Khu Công Nạp Sông Hậu với giá 18.000.000 đồng. Đến ngày 03/6/2016, T đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn D1 với giá 40.000.000 đồng (có lập hợp đồng đặt cọc mua bán đất). Ông D sau khi nhận chuyển nhượng đất đã chuyển nhượng cho người khác và người sau cùng hiện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này là bà Huỳnh Thị Cẩm H3. Mặc dù đã chuyển nhượng nền đất cho ông D và nhận tiền xong, nhưng đến năm 2017, do cần tiền để tiêu xài cá nhân, T đã gian dối lừa bán “*suất tái định cư*” này cho ông Nguyễn Thanh T3 với giá 50.000.000 đồng, T đã làm Giấy ủy quyền ngày 06/3/2017 thay cho hợp đồng mua bán bằng cách giả chữ ký của bà Nguyễn Kiều T8 và mang đến UBND xã Đông Phú để chứng thực; ông Lê Thanh V - Công

chức Văn phòng UBND xã chỉ căn cứ vào Giấy ủy quyền do T nộp tại Bộ phận một cửa của UBND xã để ghi lời chứng, sau đó trình ông Huỳnh Văn H - Phó Chủ tịch UBND xã ký chứng thực.

Như vậy, trong năm 2017 Đinh Văn T đã sử dụng hồ sơ lô nền D3-26 (thửa 5510) đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn D1, để tiếp tục lừa chuyển cho ông Nguyễn Thanh T3 chiếm đoạt của ông T3 số tiền là 50.000.000 đồng.

Đối với hành vi của các cá nhân có liên quan

- *Về việc chứng thực chữ ký các Giấy ủy quyền “suất tái định cư”*: Đối với hành vi của ông Lê Thanh V - Công chức thống kê, Văn phòng UBND xã Đông Phú, đã thực hiện không đúng quy định tại khoản 2, 3, Điều 24, Nghị định 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ và Quy trình thực hiện theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND, ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Hậu Giang (người yêu cầu chứng thực không ký trước mặt ông V); đối với hành vi của ông Lê Thanh H1 - nguyên Chủ tịch và của ông Huỳnh Văn H - nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Đông Phú, mặc dù theo quy định đối với việc chứng thực chữ ký theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì trách nhiệm kiểm tra thuộc về ông V, nhưng với tư cách là lãnh đạo UBND xã trực tiếp ký chứng thực các giấy ủy quyền trên nên cũng có phần liên đới chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, hành vi nêu trên của ông V chỉ gây thiệt hại cho ông Nguyễn Thanh T3 với số tiền 50.000.000 đồng nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự; do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với cá nhân nói trên; kiến nghị Cơ quan chủ quản xem xét xử lý hành chính theo đúng quy định pháp luật.

- *Về việc chứng thực hợp đồng chuyển nhượng QSD đất*: Đối với ông Nguyễn Tân X - Công chức tư pháp và ông Huỳnh Văn H - Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Đông Phú đã ký chứng thực không đúng thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Nghị định số 23/1015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ (các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực), có dấu hiệu của tội phạm “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua kết quả điều tra đã có căn cứ xác định được: Thực tế, do tin tưởng thông tin gian dối của Đinh Văn T nên ông Trương Tấn Đ đã mua hai nền tái định cư A2:24 và A2:25, tội phạm “*Lừa đảo chiếm đoạt Tài sản*” đã hoàn thành khi ông Đ giao tiền mua nền cho T. Do mục đích là kinh doanh “*mua đi bán lại kiếm lời*” nên ông Đ không có đi làm thủ tục cấp giấy, sang tên mà tiếp tục chuyển nhượng cho ông Lê Văn L để kiếm lợi nhuận nhưng do là nền tái định cư, theo quy định thì phải thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho hộ gốc xong mới tiến hành thực hiện thủ tục chuyển nhượng “*sang tên*”. Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 05/3/2018, số chứng thực số 26 và 27, Quyền số: 01/2018-SCT/HĐ,GD là một giai đoạn trong quá trình mua bán “*nền tái định cư*” giữa ông Đ với ông L (giao dịch dân sự). Vì vậy, nếu xác định hai hợp đồng thực hiện không đúng trình tự thủ tục, chữ ký tên ở bên chuyển nhượng thể hiện trên hai hợp đồng không phải là của hộ gốc ký ra, thì đây là hợp đồng “*giả tạo*”, đồng thời bên nhận chuyển nhượng ông Lê Văn L là người nộp hồ sơ yêu cầu chứng thực tại UBND xã Đông Phú có lỗi trong quá trình thực hiện, chưa tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định

“Người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng”. Giao dịch dân sự vô hiệu, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Hành vi của các ông Huỳnh Văn H và Nguyễn Tân X không gây hậu quả nghiêm trọng (không có yếu tố khách thể của tội phạm), không có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội của Đinh Văn T, nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự; do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với cá nhân nói trên; kiến nghị Cơ quan chủ quản xem xét xử lý hành chính theo đúng quy định pháp luật.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Nouvo LX, biển kiểm soát 65-V1: 6141.
- 01 (một) giấy phép lái xe số AM760549 do Sở Giao thông vận tải thành phố Cần Thơ cấp cho Đinh Văn T ngày 07/01/2010.
- 01 (một) thẻ tín dụng của Ngân hàng Agribank số 9704-0509-8639-5007, chủ thẻ: Đinh Văn T.
- 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 số kiểu máy: SM-A750GN/DS; số seri: R58M12QT5BP và ốp lưng hiệu AUTOPCUS, màu đen.
- Tiền Việt Nam: 100.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại ông Trần Văn S, ông Nguyễn Văn D, ông Trương Tấn Đ, ông Nguyễn Thanh T3 yêu cầu bị cáo Đinh Văn T hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt; ông Nguyễn Thanh T3 và bà Lê Thị Mai H đề nghị Cơ quan chức năng xem xét cho ông, bà được làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất đối với các lô nền thuộc Khu tái định cư phục vụ Khu công Nệp Sông Hậu - giai đoạn 1 thuộc xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Đinh Văn L4 (em ruột của bị cáo T) đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 100.000.000 đồng để T khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại (BL 1575).

- Các ông, bà Lê Vĩnh N, Lê Bửu N1, Bùi Thị T4, Lê Thị V, Nguyễn Thành T4 và Nguyễn Thị Xuân T5 là hộ dân gốc của các lô nền D3-13, D3-14, A2-22, A2-23, A2-24 và A2-25 đều yêu cầu thu hồi giấy tờ có liên quan đến các lô nền tái định cư do Nhà nước cấp cho họ, hiện do người nhận chuyển nhượng sau quản lý, sở hữu để hoàn trả lại bà Lê Thị Mai H và ông Nguyễn Thanh T3, đồng thời họ cam đoan tự nguyện làm thủ tục cấp giấy, chuyển nhượng lại cho bà H và ông T3 theo đúng quy định.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSHG-P1 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt Tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt Tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2021.

2. Biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Đinh Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án ngày 22/6/2022.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/6/2022 bị cáo Đinh Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngày 06/7/2022, người bị hại Nguyễn Thanh T3 có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn T, xem xét lại phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu công nhận thêm cho bị hại 3 lô đất nền. Ngày 07/7/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 3458 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định. Về nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt.

Về nội dung, xét kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn T, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại Nguyễn Thanh T3 kháng cáo tăng nặng hình phạt nhưng các bên không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới so với các tình tiết đã được cấp sơ thẩm xem xét nên không có căn cứ chấp nhận. Xét kháng cáo liên quan đến trách nhiệm dân sự của bị cáo: Hoạt động định giá trong tố tụng hình sự tại cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục nên kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Về kháng cáo nhận 03 lô đất nền của bị hại Nguyễn Thanh T3: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở nên kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận. Về kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L: Việc chuyển nhượng và đăng ký sang tên không đảm bảo điều kiện về hình thức theo quy định nên kháng cáo được công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 3458 của ông L là không có cơ sở để chấp nhận. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T, người bị hại Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Hồ Thị Thu T2 bào chữa cho bị cáo Đinh Văn T trình bày: Thống nhất về tội danh. Về tình tiết giảm nhẹ thì cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ cho bị cáo. Tuy

nhiên mong Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo, không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về kháng cáo của ông Lê Văn L và phân trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho ông L 770.000.000 đồng thì đề nghị tách thành vụ án riêng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và ông Trương Tấn Đ. Ngoài ra sau khi xử sơ thẩm thì bị cáo đã tự nguyện khắc phục thêm 40.000.000 đồng cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và phân trách nhiệm dân sự của án sơ thẩm.

Bị cáo thông nhất với lời bào chữa của Luật sư, không tranh luận bổ sung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L tranh luận: Ông L là người mua ngay tình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T, người bị hại Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn L trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị hại ông Nguyễn Thanh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T3.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Do việc kinh doanh bị thua lỗ, trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2020, bị cáo Đinh Văn T đã lợi dụng việc được bà Lê Thị Mai H và ông Nguyễn Thanh T3 thuê liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 06 lô nền mua tái định cư D3-13 (thửa 6181); D3-14 (thửa 6182); A2-22 (thửa 3455); A2-23 (thửa 3456); A2-24 (thửa 3457; A2-25 (thửa 3458). T đã chuyển nhượng các thửa đất này cho các bị hại Nguyễn Văn D lô nền D3-13 (thửa 6181), chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng; chuyển nhượng lô nền D3-14 (thửa 6182) cho Trần Văn S, chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng; chuyển

nhượng 04 lô nền A2-22 (thửa 3455); A2-23 (thửa 3456); A2-24 (thửa 3457; A2-25 (thửa 3458) cho ông Trương Tấn Đ, chiếm đoạt số tiền 825.000.000 đồng. Ngoài ra, cũng trong thời gian này T còn lợi dụng việc đã nhận chuyển nhượng lô D3-26 (thửa 5510) của bà Nguyễn Kiều T8 sau đó mang giấy tờ chuyển nhượng cho 02 người khác, trong đó có ông Nguyễn Thanh T3 chiếm đoạt 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của 04 bị hại là 1.775.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt Tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, không sai.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo rất liều lĩnh, lợi dụng lòng tin, sự mất cảnh giác của bị hại, phần lớn trong số này là những người quen biết để lừa chuyển nhượng các thửa đất và chiếm đoạt số tiền tương đối lớn mà không gặp nhiều khó khăn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại lớn cho bị hại và gia đình nhưng việc khắc phục hậu quả tới thời điểm xét xử không đáng kể. Do làm ăn thất bại nhưng muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Nên việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình có xem xét bị cáo Đinh Văn T chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 17 năm tù là đã có xem xét, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm cũng không nộp được tài liệu, chứng cứ mới so với các tình tiết đã được cấp sơ thẩm xem xét làm căn cứ cho kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự:

[3.1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T3 đối với các lô nền A2-22, các lô nền A2-23, các lô nền A2-24:

- Đối với các lô nền A2-22 (thửa số 3455, tờ bản đồ số 05) và A2-23 (thửa 3456, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Hiện cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Ngọc Q đứng tên. Ông T3 yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Xét 02 thửa đất này là của ông Nguyễn Thanh T3 nhận chuyển nhượng của người khác, nhưng chưa đăng ký đứng tên. Bị cáo T bị kết án tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên việc chuyển nhượng 02 thửa đất 3455, 3456 cho ông Trương Tấn Đ; Ông Đ tiếp tục chuyển nhượng đất cho ông Trần Văn S; ông S tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trần Sô L1; Ông L1 đã sang tên trực tiếp từ hộ gốc qua tên mình và

đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông L1 đã chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc Q. Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền thủ tục sang tên đất không hợp pháp, nên tất cả các hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất 3455, 3456 từ bị cáo T đến ông Trần Sơ L1 vô hiệu. Mặc dù việc nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Sơ L1 là vô hiệu, tuy nhiên ông L1 đã đăng ký sang tên và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và ông L1 đã chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc Q. Ông Q đã sang tên và đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng Tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu”*. Căn cứ quy định này, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất số 3455, 3456 từ ông Trần Sơ L1 sang ông Lê Ngọc Q hợp pháp, có hiệu lực thi hành, công nhận ông Lê Ngọc Q được quyền sử dụng 02 thửa đất 3455, 3456 như giấy chứng nhận được cấp; Đồng thời, căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T bồi thường giá trị 02 thửa đất cho ông Nguyễn Thanh T3 số tiền như định giá 1.542.472.000 đồng và nếu có tranh chấp hợp đồng khác giữa như những người chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng còn lại liên quan đến 02 thửa đất này sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác là có căn cứ.

- Đối với các lô nền A2-24 (thửa số 3457, tờ bản đồ số 05) đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Hiện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh H2 đứng tên thửa 3457. Ông T3 yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Xét thửa đất này là của ông Nguyễn Thanh T3 nhận chuyển nhượng của người khác nhưng chưa đăng ký sang tên. Bị cáo T bị kết án, nên việc chuyển nhượng thửa đất 3457 cho ông Trương Tấn Đ; Ông Đ tiếp tục chuyển nhượng cho ông Lê Văn L; ông L đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết luận của cơ quan chuyên môn, thủ tục sang tên đất của các hợp đồng này là không hợp pháp, nên tất cả các hợp đồng chuyển nhượng từ bị cáo T đến ông Lê Văn L liên quan đến thửa đất 3457 bị vô hiệu. Mặc dù vậy, ông L đã đi đăng ký sang tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị T6, bà T6 đã sang tên đất; bà T6 chuyển nhượng cho ông Trần Sơ L1, ông L1 đã sang tên đất; ông L1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh H2, ông H2 đã sang tên và hiện đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm xác định các hợp đồng chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị T6 đến ông Nguyễn Thanh H2 là của người thứ ba ngay tình, nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Công nhận cho ông Nguyễn Thanh H2 được quyền sử dụng thửa đất 3457 như giấy chứng nhận được cấp. Căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T bồi thường giá trị thửa đất cho ông Nguyễn Thanh T3 số tiền như định giá 771.236.000 đồng là có căn cứ. Các tranh chấp khác (nếu có) giữa những người chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng các hợp đồng còn lại từ ông Trương

Tân Đ đến ông Lê Văn L liên quan đến hai thửa đất này sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác là phù hợp quy định pháp luật.

Do vậy kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T3 về việc đề nghị được công nhận quyền sử dụng đất đối với các lô nền A2-22, các lô nền A2-23, các lô nền A2-24 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn L đối với lô nền A2-25 thuộc thửa đất 3458:

Đối với thửa đất 3458, ông Lê Văn L sau khi nhận chuyển nhượng và đứng tên trên giấy chứng nhận đã lập hợp đồng ủy quyền thửa đất cho ông Tiêu Hoàng T7, ông T7 đang giữ giấy. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù ông L đã đăng ký và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc chuyển nhượng và đăng ký sang tên đất là vi phạm pháp luật vì căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 3458 từ Ông Đ qua ông L vô hiệu. Do đó, việc ông L ủy quyền thửa đất này cho ông Tiêu Hoàng T7 cũng không làm thay đổi bản chất của giao dịch vô hiệu vì thửa đất này vẫn do ông L đứng tên, ông Tiêu Hoàng T7 chỉ là người được ủy quyền, ông T7 không đủ điều kiện để được xác định là người thứ ba ngay tình. Từ đó chỉ buộc bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn L số tiền liên quan đến nhận chuyển nhượng thửa đất là 771.999.600 đồng mà không công nhận quyền sử dụng lô nền A2-25 cho ông L là có căn cứ. Kháng cáo của ông Lê Văn L về việc đề nghị được công nhận quyền sử dụng đối với lô nền A2-25 thuộc thửa đất 3458 là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận lời trình bày của bị cáo cũng như lời bào chữa của Luật sư, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bác toàn bộ kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T, người bị hại Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2022/HS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt Tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2021. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án ngày 22/6/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đinh Văn T theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 117, 131, khoản 2 điều 133, 584, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 188 Luật Đất đai.

2.1 Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Đinh Văn T với ông Nguyễn Văn D đối với lô nền D3-13 (thửa đất 6181, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang vô hiệu. Buộc bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), tiền nhận chuyển nhượng đất.

2.2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Đinh Văn T với ông Trần Văn S đối với lô nền D3-14 (thửa đất 6182, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang vô hiệu. Buộc bị cáo Đinh Văn T hoàn trả cho ông Trần Văn S 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), tiền nhận chuyển nhượng đất.

2.3. Buộc bị cáo Đinh Văn T hoàn trả cho bà Lê Thị Mai H 5.000.000đ (Năm triệu đồng), tiền nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê.

2.4. Công nhận cho bà Lê Thị Mai H được quyền sử dụng 02 thửa đất 6181, 6182, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Buộc bà H làm thủ tục sang tên 02 thửa đất theo quy định của pháp luật.

2.5. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Đinh Văn T với ông Trương Tấn Đ đối với 02 lô nền A2-22 và A2-23 (thửa đất 3455 và thửa 3456, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang vô hiệu. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Sơn L1 với ông Lê Ngọc Q đối với 02 lô nền A2-22 và A2-23 (thửa đất 3455 và thửa 3456, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang có hiệu lực. Công nhận ông Lê Ngọc Q được quyền sử dụng thửa đất 3455, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 02541 ngày 22/3/2021 của Sở T nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang. Và thửa đất 3456, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 02542 ngày 22/3/2021 của Sở T nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang. Buộc bị cáo Đinh Văn T bồi thường giá trị 02 thửa đất cho ông Nguyễn Thanh T3 là 1.542.472.000đ (Một tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai đồng).

2.6. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Đinh Văn T với ông Trương Tấn Đ đối với lô nền A2-24 (thửa đất 3457, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang vô hiệu. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn L với ông

Nguyễn Thanh H2 đối với lô nền A2-24 (thửa đất 3457, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang có hiệu lực. Công nhận cho ông Nguyễn Thanh H2 được quyền sử dụng thửa đất 3457, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 01920 ngày 02/02/2018 của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cho bà Lê Thị V, đã chuyển sang tên ông Nguyễn Thanh H2 vào ngày 26/6/2019. Buộc bị cáo Đinh Văn T bồi thường giá trị thửa đất cho ông Nguyễn Thanh T3 là 771.236.000đ (Bảy trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng).

2.7. Tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến lô nền A2- 25 (thửa 3458, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang giữa bị cáo Đinh Văn T với ông Trương Tấn Đ; giữa ông Trương Tấn Đ với ông Lê Văn L; hợp đồng chuyển nhượng lập không giữa ông Nguyễn Thành T4, bà Hồ Thị Kim Hai với ông Lê Văn L vô hiệu.

2.8. Kiến nghị UBND huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thành T4, bà Hồ Thị Kim H, theo sổ vào sổ cấp GCN: CH 01921 ngày 02/02/2018 của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, chuyển qua tên ông Lê Văn L ngày 05/3/2018. Buộc ông Tiêu Hoàng T7 người đang giữ giấy có trách nhiệm nộp lại bản gốc giấy chứng nhận sổ vào sổ cấp GCN: CH 01921 ngày 02/02/2018 của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, chuyển qua tên ông Lê Văn L ngày 05/3/2018 khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.9. Công nhận cho ông Nguyễn Thanh T3 được quyền sử dụng thửa đất 3458, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Buộc ông T3 đi làm thủ tục sang tên thửa đất theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Đinh Văn T bồi thường thiệt hại giá trị thửa đất cho ông Lê Văn L số tiền là 771.999.600đ (Bảy trăm bảy mươi một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

2.10. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến lô nền D3- 26 (thửa 5510, tờ bản đồ số 05), đất tọa lạc ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang giữa bị cáo Đinh Văn T với ông Nguyễn Thanh T3 vô hiệu. Buộc bị cáo Đinh Văn T hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T3 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền nhận chuyển nhượng đất.

2.11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.12. Tách việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền liên quan đến thửa đất 3458, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Phú Nhơn, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang giữa ông Lê Văn L với ông Tiêu Hoàng T7. Và các hợp đồng chuyển nhượng đất được nhận định vô hiệu nhưng chưa được giải quyết trong vụ án này như nêu trên thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Án phí phúc thẩm: Buộc bị cáo Đinh Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Buộc ông Nguyễn Thanh T3, ông Lê Văn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Hậu Giang (2);
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- TTG Công an tỉnh Hậu Giang (2);
- Bị cáo, bị hại, người liên quan (3);
- Lưu HSVA(2). VP(5) 20b. (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Trần Văn Mười